



LỊCH THI HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024 - 2025
Bậc đào tạo: CAO ĐẲNG - KHÓA 2024 (C1)

ST T	Lớp học	Mã môn học	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	24C1-CNÔ	0211001987	1	38	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	5	26/12/2024	120	07H30	Tự luận	C2.2 - 01
2	24C1-CNÔ	0211001987	2	38	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	5	26/12/2024	120	07H30	Tự luận	C2.2 - 02
3	24C1-CNÔ	0211001987	3	38	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	5	26/12/2024	120	07H30	Tự luận	C2.2 - 03
4	24C1-CNÔ	0211001987	4	38	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	5	26/12/2024	120	07H30	Tự luận	C2.2 - 04
5	24C1-CNÔ	0211001987	5	38	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	5	26/12/2024	120	07H30	Tự luận	C2.2 - 05
6	24C1-CNÔ	0211001987	6	38	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	5	26/12/2024	120	07H30	Tự luận	C2.3 - 01
7	24C1-CNÔ	0211001987	7	38	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	5	26/12/2024	120	07H30	Tự luận	C2.3 - 02
8	24C1-CNÔ	0211001987	8	38	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	5	26/12/2024	120	07H30	Tự luận	C2.3 - 03
9	24C1-CNÔ	0211001987	9	38	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	5	26/12/2024	120	07H30	Tự luận	C2.3 - 04
10	24C1-CNÔ	0211001987	10	20	Dung sai - Vẽ kỹ thuật	5	26/12/2024	120	07H30	Tự luận	C2.3 - 05
11	24C1-KXD	0211002064		15	Địa chất, cơ đất, nền móng	5	26/12/2024	90	07H30	Tự luận	
12	24C1-KLB; QKS	0211002281	1	32	An ninh - an toàn trong nhà hàng, khách sạn	5	26/12/2024	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 01
13	24C1-KLB; QKS	0211002281	2	20	An ninh - an toàn trong nhà hàng, khách sạn	5	26/12/2024	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 02
14	24C1-NHQ	0211003802		15	Văn hóa Hàn Quốc	5	26/12/2024	90	07H30	Tự luận	
15	24C1-TMD; LGT; KTD; QTD	0211002450	1	38	Kinh tế vi mô	5	26/12/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
16	24C1-TMD; LGT; KTD; QTD	0211002450	2	38	Kinh tế vi mô	5	26/12/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
17	24C1-TMD; LGT; KTD; QTD	0211002450	3	38	Kinh tế vi mô	5	26/12/2024	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
18	24C1-CNÔ	0211000962	1	38	Động cơ đốt trong	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
19	24C1-CNÔ	0211000962	2	38	Động cơ đốt trong	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
20	24C1-CNÔ	0211000962	3	38	Động cơ đốt trong	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
21	24C1-CNÔ	0211000962	4	38	Động cơ đốt trong	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
22	24C1-CNÔ	0211000962	5	38	Động cơ đốt trong	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
23	24C1-CNÔ	0211000962	6	38	Động cơ đốt trong	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
24	24C1-CNÔ	0211000962	7	38	Động cơ đốt trong	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
25	24C1-CNÔ	0211000962	8	38	Động cơ đốt trong	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03

ST T	Lớp học	Mã môn học	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
26	24C1-CNÔ	0211000962	9	38	Động cơ đốt trong	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
27	24C1-CNÔ	0211000962	10	20	Động cơ đốt trong	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
28	24C1-KXD	0211001803		15	Vật liệu xây dựng	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	
29	24C1-QKS; KLB	0211002536	1	32	Văn hóa ẩm thực	5	26/12/2024	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 01
30	24C1-QKS; KLB	0211002536	2	20	Văn hóa ẩm thực	5	26/12/2024	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 02
31	24C1-NHQ	0211003653		15	Âm vị - Ngữ âm tiếng Hàn	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	
32	24C1-LGT	0211003659		34	Logistics cơ bản	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
33	24C1-KTD; QTD	0211002050	1	38	Luật kinh tế	5	26/12/2024	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 04
34	24C1-KTD; QTD	0211002050	2	15	Luật kinh tế	5	26/12/2024	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 05
35	24C1-TMĐ	0211003658		23	Nhập môn Thương mại điện tử	5	26/12/2024	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	
1	24C1-NNA	0211003799	1	27	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	5	26/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.1 - 02
2	24C1-NNA	0211003799	2	28	Ngữ pháp Tiếng Anh 1	5	26/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.1 - 03
3	24C1-ĐCN; ĐĐT	0211000248	1	34	Khí cụ điện	5	26/12/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 01
4	24C1-ĐCN; ĐĐT	0211000248	2	34	Khí cụ điện	5	26/12/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 02
5	24C1-ĐCN; ĐĐT	0211000248	3	34	Khí cụ điện	5	26/12/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 03
6	24C1-CĐT	0211001284		25	Vẽ kỹ thuật	5	26/12/2024	60	13H00	Tự luận	C2.2 - 04
7	24C1-MTT	0211001524		7	Vẽ kỹ thuật ngành may	5	26/12/2024	90	13H00	Tự luận	
8	24C1-KML; CNL; VSL	0211000211	1	32	Truyền nhiệt	5	26/12/2024	90	13H00	Tự luận	C2.2 - 05
9	24C1-KML; CNL; VSL	0211000211	2	32	Truyền nhiệt	5	26/12/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 01
10	24C1-KML; CNL; VSL	0211000211	3	32	Truyền nhiệt	5	26/12/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 02
11	24C1-QKS	0211003663		37	Nghiep vụ văn phòng	5	26/12/2024	90	13H00	Tự luận	C2.3 - 03
12	24C1-NNA	0211002506	1	28	Phát âm	5	26/12/2024	120	15H00	Vấn đáp	C2.1 - 02
13	24C1-NNA	0211002506	2	28	Phát âm	5	26/12/2024	120	15H00	Vấn đáp	C2.1 - 03
14	24C1-ĐCN; ĐĐT	0211003755	1	34	An toàn điện	5	26/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
15	24C1-ĐCN; ĐĐT	0211003755	2	34	An toàn điện	5	26/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
16	24C1-ĐCN; ĐĐT	0211003755	3	34	An toàn điện	5	26/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
17	24C1-CĐT	0211003797		25	An toàn lao động	5	26/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
18	24C1-MTT	0211001321		7	Mỹ thuật trang phục	5	26/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	
19	24C1-KML; CNL; VSL	0211000354	1	30	Cơ sở kỹ thuật điện	5	26/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
20	24C1-KML; CNL; VSL	0211000354	2	30	Cơ sở kỹ thuật điện	5	26/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
21	24C1-KML; CNL; VSL	0211000354	3	30	Cơ sở kỹ thuật điện	5	26/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
22	24C1-QKS	0211003662		37	Tâm lý khách hàng	5	26/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03

ST T	Lớp học	Mã môn học	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
1	24C1-	0211003650	1	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
2	24C1-	0211003650	2	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
3	24C1-	0211003650	3	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
4	24C1-	0211003650	4	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
5	24C1-	0211003650	5	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
6	24C1-	0211003650	6	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
7	24C1-	0211003650	7	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
8	24C1-	0211003650	8	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
9	24C1-	0211003650	9	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
10	24C1-ĐĐT; CDT; ĐCN	0211000037	1	38	Điện tử cơ bản	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
11	24C1-ĐĐT; CDT; ĐCN	0211000037	2	38	Điện tử cơ bản	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
12	24C1-ĐĐT; CDT; ĐCN	0211000037	3	38	Điện tử cơ bản	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
13	24C1-ĐĐT; CDT; ĐCN	0211000037	4	14	Điện tử cơ bản	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
14	24C1-QTD	0211002452		24	Quản trị tài nguyên nhân sự	6	27/12/2024	60	13H00	Trắc nghiệm trên giấy	
15	24C1-	0211003650	10	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
16	24C1-	0211003650	11	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
17	24C1-	0211003650	12	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
18	24C1-	0211003650	13	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
19	24C1-	0211003650	14	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
20	24C1-	0211003650	15	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
21	24C1-	0211003650	16	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
22	24C1-	0211003650	17	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
23	24C1-	0211003650	18	38	Giáo dục Chính trị	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
24	24C1-KTD1; QTD; LGT; TMD	0211003656	1	38	Quản trị học	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
25	24C1-KTD1; QTD; LGT; TMD	0211003656	2	38	Quản trị học	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
26	24C1-KTD1; QTD; LGT; TMD	0211003656	3	38	Quản trị học	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
27	24C1-KLB	0211003666		16	Tổng quan bếp bánh	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
28	24C1-MTT	0211001994		7	Nguyên phụ liệu dệt may thời trang	6	27/12/2024	60	15H30	Trắc nghiệm trên giấy	
1	24C1-CCK; CTM; CKL	0211003652	1	34	Vẽ kỹ thuật	6	03/01/2025	120	07H30	Tự luận	C2.2 - 01
2	24C1-CCK; CTM; CKL	0211003652	2	34	Vẽ kỹ thuật	6	03/01/2025	120	07H30	Tự luận	C2.2 - 02
3	24C1-CCK; CTM; CKL	0211003652	3	34	Vẽ kỹ thuật	6	03/01/2025	120	07H30	Tự luận	C2.2 - 03
4	24C1-CCK; CTM; CKL	0211003652	4	34	Vẽ kỹ thuật	6	03/01/2025	120	07H30	Tự luận	C2.2 - 04
5	24C1-CCK; CTM; CKL	0211003652	5	34	Vẽ kỹ thuật	6	03/01/2025	120	07H30	Tự luận	C2.2 - 05

ST T	Lớp học	Mã môn học	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
6	24C1-ĐHĐ1; LTM; QTM; CMT	0211002845	1	34	Cơ sở dữ liệu	6	03/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 01
7	24C1-ĐHĐ1; LTM; QTM; CMT	0211002845	2	34	Cơ sở dữ liệu	6	03/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 02
8	24C1-ĐHĐ1; LTM; QTM; CMT	0211002845	3	34	Cơ sở dữ liệu	6	03/01/2025	90	07H30	Tự luận	C2.3 - 03
9	24C1-ĐĐT; ĐCN; CĐT	0211002029	1	38	Mạch điện	6	03/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
10	24C1-ĐĐT; ĐCN; CĐT	0211002029	2	38	Mạch điện	6	03/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
11	24C1-ĐĐT; ĐCN; CĐT	0211002029	3	38	Mạch điện	6	03/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 01
12	24C1-ĐĐT; ĐCN; CĐT	0211002029	4	20	Mạch điện	6	03/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 02
13	24C1-KXD	0211001820		15	An toàn lao động	6	03/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	
14	24C1-KML; VSL; CNL	0211001969	1	38	Nhiệt động kỹ thuật	6	03/01/2025	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 03
15	24C1-KML; VSL; CNL	0211001969	2	38	Nhiệt động kỹ thuật	6	03/01/2025	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 04
16	24C1-KML; VSL; CNL	0211001969	3	20	Nhiệt động kỹ thuật	6	03/01/2025	90	07H30	Tự luận	C3.2 - 05
17	24C1-NHQ	0211003801		15	Ngữ pháp 1	6	03/01/2025	90	07H30	Tự luận	
18	24C1-LGT	0211002002		34	Marketing dịch vụ Logistics	6	03/01/2025	90	07H30	Tự luận	C3.3 - 01
19	24C1-KLB	0211003665		16	Thương phẩm và an toàn thực phẩm	6	03/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	C3.3 - 02
20	24C1-TMĐ	0211002241		24	Văn hóa doanh nghiệp	6	03/01/2025	90	07H30	Tự luận	
21	24C1-QTD	0211003660		25	Quản trị văn phòng	6	03/01/2025	60	07H30	Tự luận	H1.2 - 02
22	24C1-KTD	0211003655		28	Nguyên lý kế toán	6	03/01/2025	60	07H30	Trắc nghiệm trên giấy	
23	24C1-CNÔ	0211000961	1	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 01
24	24C1-CNÔ	0211000961	2	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 02
25	24C1-CNÔ	0211000961	3	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 03
26	24C1-CNÔ	0211000961	4	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 04
27	24C1-CNÔ	0211000961	5	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.2 - 05
28	24C1-CNÔ	0211000961	6	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 01
29	24C1-CNÔ	0211000961	7	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 02
30	24C1-CNÔ	0211000961	8	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 03
31	24C1-CNÔ	0211000961	9	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 04
32	24C1-CNÔ	0211000961	10	38	Kỹ thuật điện - điện tử	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C2.3 - 05
33	24C1-ĐCN	0211001388	1	30	Máy điện	6	03/01/2025	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 01
34	24C1-ĐCN	0211001388	2	30	Máy điện	6	03/01/2025	90	10H00	Tự luận	C3.2 - 02
35	24C1-NNA	0211003800	1	36	Ngữ pháp Tiếng Anh 2	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 03
36	24C1-NNA	0211003800	2	10	Ngữ pháp Tiếng Anh 2	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 04
37	24C1-TMĐ	0211001314		26	Marketing căn bản	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	
38	24C1-LGT	0211002054		34	Thương mại điện tử	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	C3.2 - 05
39	24C1-QKS; KLB	0211002277	1	38	Tổng quan du lịch	6	03/01/2025	90	10H00	Tự luận	C3.3 - 01
40	24C1-QKS; KLB	0211002277	2	20	Tổng quan du lịch	6	03/01/2025	90	10H00	Tự luận	C3.3 - 02

ST T	Lớp học	Mã môn học	Nhóm	Sĩ số	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Thời gian thi	Giờ thi	Hình thức thi	Phòng Thi
41	24C1-KTD; QTD	0211000270		50	Marketing căn bản	6	03/01/2025	60	10H00	Trắc nghiệm trên giấy	H1.2 - 02
CÁC MÔN THI PHÒNG MÁY KHOA CNTT											
1	24C1-TKD; ĐHD; LTM	0211003667	1	30	Tin học	7	28/12/2024	90	07H30	Trên máy tính	E2.1 - 02
2	24C1-TKD; ĐHD; LTM	0211003667	2	30	Tin học	7	28/12/2024	90	07H30	Trên máy tính	E2.2 - 02
3	24C1-TKD; ĐHD; LTM	0211003667	3	30	Tin học	7	28/12/2024	90	07H30	Trên máy tính	E3 - 02
4	24C1-TKD; ĐHD; LTM	0211003667	4	30	Tin học	7	28/12/2024	90	10H00	Trên máy tính	E2.1 - 02
5	24C1-TKD; ĐHD; LTM	0211003667	5	30	Tin học	7	28/12/2024	90	10H00	Trên máy tính	E2.2 - 02
6	24C1-TKD; ĐHD; LTM	0211003667	6	30	Tin học	7	28/12/2024	90	10H00	Trên máy tính	E3 - 02
7	24C1-CMT	0211002916		27	Điện tử cơ bản	5	02/01/2025	60	13H00	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 01
8	24C1-QTM1	0211002869		20	Mạng máy tính và quản trị mạng	5	02/01/2025	60	13H00	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 02
9	24C1-CMT	0211002917		26	Kỹ thuật số	5	02/01/2025	60	15H00	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 01
10	24C1-LTM	0211002867		31	Phần cứng và mạng máy tính	5	02/01/2025	60	15H00	Trắc nghiệm trên máy	E2.1 - 02